

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 129/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bảy, sinh năm 1933, địa chỉ: Số 128, Điện Biên Phủ, khóm 7, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Bảy là ông Nguyễn Thanh Huy, sinh năm 1975, theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2023, địa chỉ: Số 200, đường Phan Đình Phùng, khóm 2, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn Toàn, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 127, Điện Biên Phủ, khóm 7, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông Toàn là bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh ngày 01/6/1986, theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2023, địa chỉ: Khóm 8, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/- Bà Cao Thị Bích Vân, sinh ngày 30/01/1957

2/- Bà Cao Thị Thu Hồng, sinh ngày 13/11/1963

3/- Ông Cao Phước Vàng, sinh ngày 29/10/1998

4/- Bà Giang Thị Hoa, sinh ngày 18/10/1947

5/- Bà Cao Thanh Phượng, sinh ngày 04/4/1985

Cùng địa chỉ: Số 127 Điện Biên Phủ, khóm 7, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Vân, bà Hồng, ông Vàng, bà Giang, bà Phượng là bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh ngày 01/6/1986, theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2023, địa chỉ: Khóm 8, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

6/- Ông Nguyễn Anh Thế, sinh ngày 10/3/1956

7/- Bà Lâm Thị Lựu, sinh ngày 14/4/1957

8/- Ông Lâm Kiều, sinh ngày 23/01/1970

9/- Ông Nguyễn Lâm Anh Tuấn, sinh ngày 14/02/1983

Cùng địa chỉ: Số 128, đường Điện Biên Phủ, khóm 7, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông Thế, bà Lựu, ông Kiều, ông Tuấn là ông Nguyễn Thanh Huy, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 200, đường Phan Đình Phùng, khóm 2, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2024.

10/- Văn phòng Công chứng Nguyễn Thanh Bình, địa chỉ: Số 135C, đường Phan Đình Phùng, khóm 1, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

11/- Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, địa chỉ: Số 9, đường Lê Thánh Tôn, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

12/- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, địa chỉ: Số 478A, đường Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh..

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Phần đất của bà Trần Thị Bảy có diện tích bằng tổng diện tích phần đất có ký hiệu chữ (C), (D), (E). Đất có tứ cận như sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 400/CNTPTV, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Phần đất có ký hiệu chữ (C) có diện tích $105,9m^2$, đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất có ký hiệu chữ (B) có số đo 1,86m, giáp đường bê tông có số đo 2,37m;

Hướng Tây giáp phần đất có ký hiệu chữ (D) có số đo 4,46m;

Hướng Bắc giáp đường bê tông có số đo 3,47m, giáp phần đất có ký hiệu chữ (A) có số đo 12,86m, giáp đường bê tông có số đo 4,1m;

Hướng Nam giáp phần đất có ký hiệu chữ (D) có số đo 24,7m.

+ Phần đất có ký hiệu chữ (D) có diện tích $5,9m^2$, đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất có ký hiệu chữ (C) có số đo 4,64m, giáp đường bê tông có số đo 0,33m;

Hướng Tây giáp vỉa hè có số đo 4,75m;

Hướng Nam giáp phần đất có ký hiệu chữ (E) có số đo 25,18m;

Hướng Bắc giáp phần đất có ký hiệu chữ (C) có số đo 24,7m;

+ Phần đất có ký hiệu chữ (E) có diện tích 3,1m², đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường bê tông số đo 0m;

Hướng Tây giáp vỉa hè có số đo 0,2m;

Hướng Nam giáp phần đất có ký hiệu chữ (F) có số đo 1,72m, giáp phần đất có ký hiệu chữ (G) có số đo 25,18m.

Hướng Bắc giáp phần đất có ký hiệu chữ (D) có số đo 25,18m;

Tổng diện tích đất của bà Trần Thị Bảy là 114,9m².

- Phần đất của ông Cao Văn Toàn có diện tích bằng tổng diện tích phần đất có ký hiệu chữ (F), (G), (H). Đất có tứ cận như sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 400/CNTPTV, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Phần đất có ký hiệu chữ (F) có diện tích 0,1m², đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất có ký hiệu chữ (E) có số đo 0m;

Hướng Tây giáp vỉa hè có số đo 0,05m;

Hướng Nam giáp phần đất có ký hiệu chữ (H) có số đo 1,72m;

Hướng Bắc giáp phần đất có ký hiệu chữ (E) có số đo 1,72m.

+ Phần đất có ký hiệu chữ (G) có diện tích 9,1m², đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 0,77m, 0,45m;

Hướng Tây giáp phần đất có ký hiệu chữ (F) có số đo 0m;

Hướng Nam giáp phần đất có ký hiệu chữ (H) có số đo 24,2m;

Hướng Bắc giáp phần đất có ký hiệu chữ (E) có số đo 25,18m;

+ Phần đất có ký hiệu chữ (H) có diện tích 100,4m², đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 1,82m, giáp thửa 382 có số đo 1,5m;

Hướng Tây giáp vỉa hè có số đo 4,35m;

Hướng Nam giáp thửa 98 có số đo 26,47m;

Hướng Bắc giáp phần đất có ký hiệu chữ (F) có số đo 1,72m, giáp phần đất có ký hiệu chữ (G) có số đo 24,2m.

Tổng diện tích đất của ông Cao Văn Toàn là 109,6m².

- Đối với phần đất có ký hiệu chữ (A) và (B) là đất giao thông (hiện trạng là đường bê tông) nên không thuộc quyền sử dụng của hai bên.

- Ông Cao Văn Toàn tự nguyện hỗ trợ cho bà Trần Thị Bảy số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

- Thời gian và phương thức trả hai bên thống nhất do cơ quan thi hành án thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng tổng cộng: 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Ông Cao Văn Toàn phải chịu 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, nên ông Toàn phải trả lại cho bà Trần Thị Bảy số tiền 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà Trần Thị Bảy phải chịu 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng mà bà Bảy đã nộp nên bà Bảy được nhận lại đồng, trong đó nhận 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và nhận 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng từ ông Cao Văn Toàn.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Trần Thị Bảy là yêu cầu Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 04/02/2021 của ông Cao Văn Toàn, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Bình. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 8, diện tích 117,1m², tọa lạc tại số 127, đường Điện Biên Phủ, khóm 7, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cấp cho ông Cao Văn Toàn vào ngày 09/5/2021.

- **Về án phí Dân sự sơ thẩm:** 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Bà Trần Thị Bảy phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng do bà Bảy có đơn xin miễn án phí, bà Bảy sinh năm 1933 là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 nên miễn án phí cho bà Bảy.

Ông Cao Văn Toàn phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TAND TTV;
VKSND TPTV;
Chi cục Thi hành án DS TPTV;
Các đương sự;
Lưu HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Bích Chi